

VỀ Ý NIỆM "TRỜI"

TRƯỚC THÊM MỘT NĂM MỚI

TÔN THẤT THIÊN

Ngay nay, người ta nấu nướng bằng lò điện hay lò gaz nên trẻ con không được biết về Ông Táo nữa. Nhưng đối với những người thuộc lứa tuổi “bô lão” như tôi, kỷ niệm về Ông Táo còn rất rõ trong trí, vì lúc Tết đến là lúc “năm cũ bước qua năm mới,” việc đầu tiên phải làm trong gia đình là cúng Ông Táo, và trẻ con được nghe giải thích rằng: cứ cuối năm là Ông Táo phải về châu Trời, và phải cúng đưa Ông ấy, vì Ông có nhiệm vụ báo cáo cho Ông Trời biết về những gì đã xảy ra ở nơi ông trú dưới Trần gian trong năm vừa kết thúc. Và cũng trong dịp này mà tôi lãnh thụ được ý niệm “Trời,” cùng quan niệm là giữa Trời và Người có mối liên hệ. Lúc lớn lên đến tuổi biết đọc, một trong những truyện tôi được đọc đầu tiên là “Tây Du.” Truyện này bắt đầu với màn “Tôn Ngộ Không đại náo Thiên Đình,” tôi được làm quen với quan niệm tổ chức Trời và Người cũng tương tự. Rồi lại được nghe đọc đi đọc lại hai câu đầu của truyện Kiều, mà chắc chắn người Việt Nam nào cũng biết, và làm cho người đọc thơ tin rằng “Mệnh” có một sức mạnh rất lớn, có thể bạt hẳn “Tai.”

Qua thời gian, dần dần mối liên hệ Trời-Người rõ dần qua ngôn ngữ hàng ngày. Tuổi trẻ thường ngày được nghe nhắc nhở đến Trời trong nhiều trường hợp:

- Trời là một vị cứu tinh, có thể than thở, kêu cứu Ông ấy: “Trời ơi!”, “Trời ơi, cứu tôi với!”, “Kêu Trời không thấu”; “Trời ơi, sao tôi khổ thế này!”...

- Trời là một vị hảo tâm, ban ơn, làm phúc: “Nhờ Trời”; “Lạy Trời” (mưa xuống, lấy nước tôi uống v.v...); “Nhờ ơn Trời”; “Trời thương”;

- Trời là một vị bảo đảm công lý: “Trời đánh!”, “Trời phạt”; “Trời có mắt”; “Không thoát được lưới Trời”...

Rồi càng lớn lên, đi học và đọc sách, tôi được làm quen với những quan niệm triết lý, đạo lý, chính trị:

1. Trời định: “Số mạng”; “Định Mệnh”; “Thiên

mệnh”; giàu nghèo, chết sống, được làm quan, làm vua, là do Trời định cả — “Thiên định.” Quan niệm “Thiên định” này được ghi rõ vào lịch sử Việt Nam trong mấy câu thơ của Lý Thường Kiệt: “Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư, Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư” — phận làm vua do Trời định, và đã được ghi trong sổ Trời. Sau này, khi Chúa Nguyễn Phước Ánh đánh bại Tây Sơn, sử gia Trần Trọng Kim, tuy không ưa Nhà Nguyễn, nhưng cũng giải thích rằng sự thắng của Chúa Nguyễn Phước Ánh là do mệnh Trời. Và khi Chúa Nguyễn Phước Ánh lên ngôi Vua, Ông ta cũng viện dẫn lý do là làm theo ý Trời, “Thuận Thiên,” và tên kinh đô Đàng Trong, trước là Phú Xuân, được đổi lại là “Thừa Thiên.”

Suy rộng ra, qua bao nhiêu thế kỷ, những quan niệm “Thiên định,” “Thiên Mệnh,” “Thừa Thiên” ăn sâu vào tiềm thức của người dân Việt Nam, và đã góp phần quyết định vào việc củng cố chế độ quân chủ chuyên chế. Nó khiến mọi người, từ quan đại khanh đến đám Nho sĩ, đến người dân thường coi Vua như là một siêu nhân, không thể cất được vì ông ta là Thiên Tử, do Trời lựa để giao cho sứ mệnh trị nước. Ông ta do Trời chọn, thì chỉ có thể Trời cất ông ta được thôi. Ai khác có muốn làm việc này cũng không được. Vậy phải chấp nhận tình trạng này thôi, và trong khung cảnh này, ráng làm gì cho nước, và cho mình, được thì làm.

2. Quan niệm trên đây tạo ra một tâm lý “Tôn Quân” và “Trung Quân,” tuyệt đối tôn sùng quy phục Vua và trung thành với Vua, ngay cả khi rõ ràng rằng Vua không còn quyền hành gì nữa. Từ thời Hàm Nghi trở đi, chẳng hạn, trong dân gian sự tôn sùng quy phục này vẫn không thay đổi. Trong giới quan trường, sĩ phu, nếu có một sự lung lay tâm trạng trước tình hình, sự lung lay này cũng chỉ giới hạn trong một số nhỏ — giới Cần Vương —, và trong thời gian — nó xẹp xuống sau khi Cụ Phan Đình Phùng mất, năm 1895. Nhưng tâm lý trung quân của phong trào Cần Vương có một hậu quả bất ngờ là: chính nó đã cứu chế độ quân chủ Việt Nam.

Sau khi đã chiếm kinh đô và áp chế được Vua cùng Triều đình một cách dễ dàng, trong giới chức Pháp có người đề nghị dẹp luôn chế độ vương quyền Nhà Nguyễn đi, nhưng rồi cuộc những viên chức Pháp có thẩm quyền thời đó gạt bỏ các đề nghị đó vì, theo họ phong trào Cần Vương chứng tỏ rằng sự tôn sùng Vua trong dân gian Việt Nam rất mạnh, và tốt hơn là giữ lại Vua và Triều đình để có sự ổn định xã hội, và sự cai trị của họ sẽ dễ dàng hơn.

Đứng về địa vị Pháp, quyết định trên là một quyết định rất khôn ngoan. Nhứt là nó lại ăn khớp với một ý niệm khác cũng nhập tâm người Việt thuộc tất cả mọi giới. Đó là ý niệm phiên quốc. Việt Nam là một phiên quốc của Trung Quốc; Vua Việt Nam phải được Hoàng Đế Trung Quốc phong vương mới được chính thống hoá, và Việt Nam phải triều cống Trung Quốc để biểu hiện sự chấp nhận địa vị phiên thần của mình. Đó là một quan niệm “truyền thống.” Từ khi lập quốc, từ thời Hán, không có một Vua Việt Nam nào làm trái truyền thống đó. Và mọi người, từ Vua, quan, và sĩ phu, đến thường dân, ai cũng coi đó là một chuyện tự nhiên phải chấp nhận, như một thực tại. Đối với Việt Nam, phiên quốc, Hoàng Đế Trung Quốc cũng là Thiên Tử, nhưng cấp cao hơn, nên lại có quyền chuyển nhượng quyền phong Vương Việt Nam cho một quốc gia khác, và Vua, quan, dân Việt Nam không phản đối gì được, như sự việc đã xảy ra năm 1885.

Năm 1885 là năm Trung Quốc ký với Pháp một hiệp ước ở Thiên Tân. Theo hiệp ước này, Trung Quốc nhường quyền làm thượng quốc của Việt Nam cho Pháp, và khi Pháp căn cứ vào đó buộc các Vua Việt Nam lên ngôi phải có sự thoả thuận của Pháp và phải được Pháp tấn phong, trong Triều đình không có chống đối mạnh. Và ngay cả sau khi Pháp bắt và đày Vua Hàm Nghi ra ngoại quốc, rồi đưa ông Ứng Lịch lên làm Vua, tức là Vua Đồng Khánh, Triều đình không những không phản đối mà còn có nhiều người sốt sắng lãnh nhiệm vụ đi dẹp quân Cần Vương, bị coi là những kẻ “phiến loạn,” vì họ vẫn theo Vua cũ, là Vua Hàm Nghi. Về phần dân gian, thì những chuyện xảy ra ở kinh đô không ảnh hưởng gì đến quan niệm Vua là Thiên Tử cả. Người này xuống, người kia lên, âu cũng là Thiên Định. Phần khác, Pháp đã thay Trung Quốc trong địa vị thượng quốc của Việt Nam, thì sự Vua Việt Nam phải thụ phong Vương vị từ tay đại diện Pháp là một chuyện tự nhiên. Về phía Vua thì cũng vậy. Tuy rằng quyền uy của mình đã bị Pháp tước đoạt, đối với dân Việt Nam, Vua vẫn quyền uy tuyệt đối, vì Vua vẫn là Thiên Tử, vẫn có quan hệ với Trời. Vua vẫn còn ngôi đó vì Trời muốn vậy. Trong những sắc Vua

ấn định phẩm hàm lưu trí của Ông Nội tôi (sinh dưới Triều Minh Mạng, mất dưới Triều Duy Tân) mà tôi may mắn được thấy gần đây, tôi nhận thấy các sắc đó, do các Vua Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân ban, đều bắt đầu với mấy chữ “Thừa Thiên Hưng Vận.”

Quan niệm Vua là do Trời định và là Thiên Tử, đại diện của Trời, ghép với những quan niệm khác, đặc biệt là “Tôn Ty Trật Tự” và “Tam Cương,” của Khổng Giáo, cơ sở căn bản triết lý, đạo lý, và chính trị-xã hội của Nho Giáo, đã được áp dụng triệt để trong suốt lịch sử của Việt Nam, và đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt. Nó đã trở thành những giá trị tâm lý văn hoá chế ngự tư tưởng và ứng xử của người Việt trong quá khứ và ngay cả hiện tại, tuy rằng chỉ có làm một cuộc “chất vấn tâm lý tập thể” triệt để, như Nguyễn Gia Kiểng đã làm trong *Tổ Quốc Ân Năn*, hay một cuộc “tự vấn” thành thực như Thái Việt (Nguyễn Việt Ninh), *Gánh Nặng Di Sản*, thì mới thấy rõ ràng di sản văn hoá mà mỗi người Việt Nam mang trong tiềm thức của mình ảnh hưởng thế nào đến tâm lý của người Việt ngày nay.

Muốn hiện đại hóa để phát triển để tiến, người Việt phải làm một cuộc cách mạng văn hóa rộng và sâu, nghĩa là cương quyết và dứt khoát rũ bỏ một số nét tật nay rõ ràng là những chướng ngại cản trở sự hiện đại hóa xã hội Việt Nam. Những nét tật đó khá nhiều. Vì tự ái cá nhân và tự hào dân tộc người Việt ít muốn nói đến khía cạnh không đẹp đó. Và lại ít ai ý thức được rằng chính mình có những nét tật đó. Cho nên Nguyễn Gia Kiểng và ông Thái Việt đã làm một việc rất có ích là: thẳng thắn và khách quan cứu xét khía cạnh đó.

Chủ đích bài này không phải là bàn về tác phẩm của hai tác giả nói trên (tôi đã làm việc này ở một trong *Tuyển Tập Nhớ Huế*) nhưng tưởng cũng nên biết rõ ràng người Việt có những nét tật xấu gì cần rũ bỏ nếu chúng ta muốn hiện đại hóa để thoát khỏi tình trạng lụn bại hiện nay. Những nét tật đó đã được Nguyễn Gia Kiểng và ông Thái Việt thu góp như trong hai bản liệt kê dưới đây:

Tật xấu của người Việt

(Theo *Tổ Quốc Ân Năn* của Nguyễn Gia Kiểng)

1- lòng yêu nước mờ nhạt, không quan tâm lắm về đất nước của mình, thiếu tự hào dân tộc, trọng ngoại khinh nội;

2- có tâm lý tôn thờ bạo lực, phân đẳng cấp, trên nói dưới nghe, tâm lý nô lệ, bạc nhược, chấp nhận lẽ “được làm vua thua làm giặc”;

3- không biết rõ lịch sử của mình, còn bị tiềm ẩn những nhận định rất sai lầm;

4- thích làm quan và công chức, thù ghét làm giàu (thích an bản), trọng văn khinh nghề (trọng sĩ khinh thương);

5- thiếu óc phát minh và sáng tạo, chỉ là học trò giỏi, thiếu sự dài hơi;

6- trọng bằng cấp và ham bằng cấp nhưng không chú trọng kiến thức;

7- không có khả năng làm việc chung, không muốn ngồi chung với nhau, chỉ muốn ngồi trên đầu nhau, không chấp nhận ai hơn mình;

8- thiếu gắn bó, không tìm kiếm đồng thuận, chỉ đòi thực hiện cho được ý kiến của mình, chỉ muốn giải quyết những vấn đề cá nhân bằng giải pháp cá nhân;

9- không quý mến nhau, xuyên tạc nhau, độc ác với nhau, bản năng thù ghét nhau rất mạnh, trong tiềm thức không ưa nhau, có sẵn một bản năng tiêu diệt lẫn nhau, buộc tội lên án nhau, thiếu hảo tâm, thiếu đùm bọc nhau;

10- thiếu phương pháp, ý niệm đi rất sâu thực tiễn, hành động đi trước ý thức, cứ làm mà không cần suy nghĩ về tính thần và cái trở thành của việc đang làm; thụ động, không biết nghĩ và không dám nghĩ, không có óc nhìn xa, thiếu tầm nhìn để thấy cái vĩ đại quanh mình, thiếu tư tưởng, không biết truyền thông, phát ngôn vung vít, bừa bãi;

11. [dưới chế độ CS] trở thành vị kỷ, lưu manh, thô lỗ.

Các Tính Xấu của Người Việt

(Theo *Gánh Nặng Di Sản* của Thái Việt)

1-Thích hư danh

2-An phận - ý lại

3-Chịu đựng

4-Không biết hợp quần

5- Không có cá nhân

6- Thể diện

7- Bối lòng tìm vết

8- Không biết pháp luật

9- Bệnh giả dối

10- Chửi

11- Nói xéo

12- Nói ngoa

13- Không ngoan thế gian

14- Bảo thủ

Theo hai ông Nguyễn Gia Kiểng và Thái Việt những nét tật trên đây thuộc di sản văn hóa “cổ truyền” của người Việt. Mà cốt lõi của văn hoá này là quan niệm “Thiên Mệnh-Thiên Định”: mọi việc do Trời định. Như vậy chúng ta khỏi phải làm gì cả, chỉ ngồi chờ? Đây là một thái độ cực kỳ nguy hiểm, vì hiện nay dân Việt Nam đang sống

dưới chế độ cộng sản. Chế độ này là một chế độ chuyên chế tuyệt đối. Về căn bản, nó chỉ khác Nho Giáo ở một điểm: thay vì “Tôn Quân” nó áp dụng nguyên tắc “Tôn Đảng.” Đảng là Vua. Theo quan niệm “Thiên Mệnh-Thiên Định,” nó do Trời chọn, chỉ có Trời là cất nó được.

Tâm lý trên đây giải thích tại sao trong quá khứ dân Việt Nam đã phải sống dưới những chế độ độc tài - quân chủ chuyên chế, rồi bảo hộ Pháp, rồi cộng sản - và chìm đắm trong tình trạng lạc hậu và nghèo nàn. Và tình trạng này vẫn kéo dài từ 30 năm nay, dù rằng Việt Nam đã lấy lại được độc lập và đã thống nhất. Đó là do Trời muốn chăng? Nghĩ như vậy là mâu thuẫn với quan niệm Trời là một đấng anh minh! Thật ra, nghĩ như vậy là quan niệm sai lầm về “Thiên Định-Thiên Mệnh.”

Thực chất của “Thiên Định-Thiên Mệnh” là Trời lựa một người nào đó và trao giao cho người đó nhiệm vụ trách lo cho dân được bình yên, no ấm. Đó là một sứ mạng nặng nề. Giữa Trời và người đó có một hợp đồng tính thần: Trời ban cho người đó chức vị, quyền hành, tiền nghi vô hạn để làm tròn một sứ mạng lớn, không phải là một đặc ân để thụ hưởng. Nhưng điều này thường bị các kẻ cầm quyền quên đi. Sau một thời gian ngắn sự lạm quyền xảy ra vì, như một nhà triết gia Tây phương nói: quyền hành tuyệt đối dẫn đến hủ hóa tuyệt đối.

Hợp đồng không được tôn trọng thì tất nhiên Trời phải thấu hỏi “Thiên Mệnh” — địa vị, quyền hành đã giao cho đương sự. Trong tín ngưỡng Việt Nam, sự thấu hỏi Thiên Mệnh thể hiện dưới nhiều hình thức. Trước hết Trời thông báo sự bất mãn của mình qua những “điềm” như thiên tai, bão lụt, hạn hán, ác mộng. Nhưng rốt cục Trời dành cho dân nhiệm vụ chấm dứt bạo quyền. Bằng cách nào? Một cách êm thấm, qua lá phiếu, hay qua một cuộc bạo động? Điều này tùy phản ứng của kẻ cầm quyền trước thời cuộc. Dù sao, trong việc này, trái với thái độ “chờ sung rụng” của nhiều người, Trời chỉ giúp những người tự giúp mình!

Những tư duy lỏng lẻo trên đây dẫn đến một kết luận là: nếu người Việt không cương quyết và mạnh dạn làm một cuộc cách mạng lớn về văn hóa — chấp nhận một số giá trị mới và gạt bỏ một số giá trị cũ, những tật xấu cản trở sự phát triển của Việt Nam trong điều kiện hiện đại của nhân loại, và nhất là quan niệm sai lầm về “Thiên Mệnh,” thì không hy vọng có thể thoát khỏi tình trạng tụt hậu nhục nhã và bất kịp những nước trong vùng, chớ khỏi cần nói đến các nước tiền tiến Tây phương.